

Số: 2053 /BVM-VTTBYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2025

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm

các mặt hàng gọng kính, tròng kính năm 2025 – 2026 lần 2

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá/TNKT để tham khảo, xây dựng giá các gói thầu mua sắm các mặt hàng gọng kính, tròng kính năm 2025 – 2026 lần 2 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá/ tính năng kỹ thuật:

- Đơn vị yêu cầu mời chào giá: Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0301483745
- Địa chỉ : 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028).3932.5364 - 1224

Địa chỉ email : vttbyt@bvmat.vn

5. **Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật:** Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: “Báo giá các mặt hàng gọng kính, tròng kính năm 2025 – 2026 lần 2 theo công văn số/BVM-VTTBYT”

Nơi nhận: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng thời gửi file theo hướng dẫn ở cuối văn bản và Mục II.2 các thông tin khác.

6. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá/ tính năng kỹ thuật: Từ 08h ngày 25 tháng 8 năm 2025 đến trước 10h30 ngày 04 tháng 9 năm 2025.

7. Thời hạn có hiệu lực của giá/ tính năng kỹ thuật: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2025.

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật:

- Danh mục mời chào giá và tính năng kỹ thuật: theo Phụ lục đính kèm.
- Các thông tin khác: gửi File Báo giá và các tài liệu khác (nếu có) qua đường link: <https://forms.gle/DGqCRLF5PFfDYkt5> hoặc Mã QR code (xem cuối văn bản).
- a. Đối với Báo giá (Biểu mẫu 1): định dạng file EXCEL (.xls, .xlsx)
- b. Đối với các tài liệu khác: định dạng file dạng PDF

3. Lưu ý:

Trong tài liệu của quý công ty vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - **KHÔNG** xóa, **KHÔNG** thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (**biểu mẫu 1**). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có).

Cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa. *Au*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT (VTTT_2b)

GIÁM ĐỐC

Au
Lê Anh Tuấn

(điền Header của Công ty)**BẢO GIÁ**

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm các mặt hàng gọng kính, tròng kính năm 2025 – 2026 lần 2

Kính gửi: **BỆNH VIỆN MẮT**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá/tính năng kỹ thuật của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho các mặt hàng gọng kính, tròng kính năm 2025 – 2026 lần 2 như sau:

1. Danh mục:

Stt	Mã VT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá + VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Tính năng kỹ thuật của Công ty	Tên Công ty/ Nhà cung cấp	Hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành
	(1)	(2)				(3)	(4)	A	B = A x (4)	(5)	(6)		(7)
1													
2													

(1), (2), (3), (4), (5): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(6): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu
(7): Số công bố và ngày ban hành của hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành (có hiệu lực tối thiểu đến hết thời điểm hiệu lực của báo giá). Có công văn giải thích hoặc giấy xác nhận đối với mặt hàng không phải TBVT, không có số lưu hành.

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: **180** ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.



Link khai báo



Link lấy file

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC

(Đính kèm Công văn số 2053 /BVM-VTTBYT ngày 21/8/2025)

Stt	Mã VT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	TNKT duyệt theo BBH 15/BBH-HĐKHCHN
1	GKT K006	Đơn tròng chiết suất 1.56, phủ vàng dầu, độ loạn cao	Miếng	10.000	Độ cầu S: -6.00 ~ +6.00. Độ loạn C: -4.25 ~ -6.00. n = 1.56. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
2	GKT K005	Đơn tròng chiết suất 1.56, phủ vàng dầu, độ loạn thấp	Miếng	80.890	Độ cầu S: -8.00 ~ +6.00. Độ loạn C: 0.00 ~ -2.00. n = 1.56. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
3	GKT K028	Đơn tròng chiết suất 1.56, phủ vàng dầu, độ loạn trung bình	Miếng	42.900	Độ cầu S: -8.00 ~ +4.00. Độ loạn C: -2.25 ~ -4.00. n = 1.56. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
4	GKT K009	Đơn tròng chiết suất 1.56, phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh, độ loạn thấp	Miếng	35.000	Độ cầu S: -8.00 ~ +6.00, Độ loạn C: 0.00 ~ -2.00. n = 1.56. Lớp phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh. Chất liệu: nhựa
5	GKT K010	Đơn tròng chiết suất 1.56, phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh, độ loạn trung bình	Miếng	5.000	Độ cầu S: -8.00 ~ +6.00 Độ loạn C: -2.25 ~ -4.00. n = 1.56. Lớp phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh. Chất liệu: nhựa
6	GKT K002	Đơn tròng chiết suất 1.56, trắng cứng, độ loạn thấp	Miếng	150.000	Độ cầu S: -8.00 ~ +6.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -2.00. n = 1.56. Lớp phủ trắng cứng. Chất liệu: nhựa
7	GKT K003	Đơn tròng chiết suất 1.56, trắng cứng, độ loạn trung bình	Miếng	50.000	Độ cầu S: -6.00 ~ +4.50 Độ loạn C: -2.25 ~ -4.00. n = 1.56. Lớp phủ trắng cứng. Chất liệu: nhựa
8	GKT K007	Đơn tròng chiết suất 1.56, trắng cứng, lọc ánh sáng xanh, độ loạn thấp	Miếng	20.000	Độ cầu S: -8.00 ~ +6.00. Độ loạn C: -0.00 ~ -2.00. n=1.56. Lớp phủ trắng cứng, lọc ánh sáng xanh. Chất liệu: nhựa
9	GKT K008	Đơn tròng chiết suất 1.56, trắng cứng, lọc ánh sáng xanh, độ loạn trung bình	Miếng	28.000	Độ cầu S: -8.00 ~ +6.00. Độ loạn C: -2.25 ~ -4.00. n=1.56. Lớp phủ trắng cứng, lọc ánh sáng xanh. Chất liệu: nhựa
10	GKT K017	Đơn tròng chiết suất 1.59, phủ vàng dầu	Miếng	300	Độ cầu S: +0.50 ~ +4.00 Độ loạn C: 0.00 n=1.59. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
11	GKT K064	Đơn tròng chiết suất 1.59, phủ vàng dầu, độ loạn thấp	Miếng	200	Độ cầu S: -6.00 ~ 0.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -2.00 n=1.59. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
12	GKT K019	Đơn tròng chiết suất 1.60, phủ vàng dầu	Miếng	26.000	Độ cầu S: -10.00 ~ +5.00 Độ loạn C: -0.00 ~ -2.00 n=1.60. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
13	GKT K011	Đơn tròng chiết suất 1.60, phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh, độ loạn thấp	Miếng	35.000	Độ cầu S: -10.00 ~ +6.00 Độ loạn C: -0.00 ~ -2.00 n=1.60. Lớp phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh. Chất liệu: nhựa

Stt	Mã VT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	TNKT duyệt theo BBH 15/BBH-HĐKHCH
14	GKT K012	Đơn tròng chiết suất 1.60, phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh, độ loạn trung bình	Miếng	5.000	Độ cầu S: -6.00 ~ +4.00 Độ loạn C: -2.25 ~ -4.00 n=1.60. Lớp phủ vàng dầu, lọc ánh sáng xanh. Chất liệu: nhựa
15	GKT K020	Đơn tròng chiết suất 1.67, độ loạn trung bình	Miếng	200	Độ cầu S: -10.00 ~ -0.00 Độ loạn C: -0.00 ~ -4.00 n = 1.67 Chất liệu: nhựa
16	GKT K021	Đơn tròng chiết suất 1.74, độ loạn thấp	Miếng	50	Độ cầu S: -3.00 ~ -13.00 Độ loạn C: 0.00, -0.00 ~ -2.00 n = 1.74 Chất liệu: nhựa.
17	GKT K015	Đơn tròng đổi màu vàng dầu n=1.56, độ loạn thấp	Miếng	2.000	Độ cầu S: -8.00 ~ +6.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -2.00 n=1.56 Tự động đổi thành màu khói như kính mát khi ra nắng hoặc có tia UV, trả lại màu trong khi vào trong mát. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
18	GKT K029	Đơn tròng đổi màu vàng dầu n=1.56, độ loạn trung bình	Miếng	400	Độ cầu S: -6.00 ~ +4.00 Độ loạn C: -2.25 ~ -4.00 n=1.56 Tự động đổi thành màu khói như kính mát khi ra nắng hoặc có tia UV, trả lại màu trong khi vào trong mát. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
19	GKT K016	Đơn tròng đổi màu vàng dầu n=1.60, độ cầu cận, độ loạn thấp	Miếng	2.000	Độ cầu S: 0.00 ~ -10.00 Độ loạn C: -0.00 ~ -2.00 n=1.60 Tự động đổi thành màu khói như kính mát khi ra nắng hoặc có tia UV, trả lại màu trong khi vào trong mát. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa
20	GKT K030	Đơn tròng đổi màu vàng dầu n=1.60, độ loạn trung bình	Miếng	200	Độ cầu S: -6.00 ~ 0.00, Độ loạn C: -2.25 ~ -4.00 n=1.60 Tự động đổi thành màu khói như kính mát khi ra nắng hoặc có tia UV, trả lại màu trong khi vào trong mát. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa.
21	GKT K026	Gọng kính kim loại	cái	10.000	Chiều rộng tròng kính từ 50-62mm. Chiều rộng cầu kính từ 16-24 mm. Chiều dài càng kính từ 140-150 mm. Chất liệu bằng kim loại.
22	GKT K025	Gọng kính nhựa và kim loại	cái	15.000	Chiều rộng tròng kính từ 48-55 mm. Chiều rộng cầu kính từ 17-20 mm. Chiều dài càng kính từ 140-145 mm. Chất liệu bằng nhựa và kim loại. Sai số ± 2mm
23	GKT K027	Gọng kính titan	cái	3.000	Chiều rộng tròng kính từ 50-62 mm. Chiều rộng cầu kính từ 16-24 mm. Chiều dài càng kính từ 140-150 mm Chất liệu bằng titan.
24	GKT K023	Gọng kính TR90	cái	25.000	Chiều rộng tròng kính từ 50-62 mm. Chiều rộng cầu kính từ 16-24 mm. Chiều dài càng kính từ 140-150 mm. Chất liệu bằng nhựa TR90.

Stt	Mã VT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	TNKT duyệt theo BBH 15/BBH-HĐKHCHN
25	GKT K065	Gọng kính TR90 trẻ em kích thước lớn	cái	15.000	Chiều rộng tròng kính từ 43-49 mm. Chiều rộng cầu kính từ 16-19 mm. Chiều dài càng kính từ 122-135 mm. Chất liệu bằng nhựa TR90, logo nổi, đàn hồi tốt, nhẹ. Sai số ± 2 mm
26	GKT K022	Gọng kính TR90 trẻ em kích thước nhỏ	cái	15.000	Chiều rộng tròng kính từ 38-50 mm. Chiều rộng cầu kính từ 14-18 mm. Chiều dài càng kính từ 120-138 mm. Chất liệu bằng nhựa TR90. Sai số ± 2 mm
27	GKT K024	Gọng kính Utem	cái	15.000	Chiều rộng tròng kính từ 50-62 mm. Chiều rộng cầu kính từ 16-24 mm. Chiều dài càng kính từ 140-150 mm. Chất liệu bằng nhựa Ultem.
28	GKT K034	Hai tròng vàng dầu có độ loạn	Miếng	171	Tròng kính đặt đánh. Độ cầu S: -5.25 ~ +6.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -4.00 Độ đọc sách Add: +1.00 ~ +3.00 n=1.50. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa Cam kết về thời gian giao hàng: tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng
29	GKT K037	Đa tròng không phủ vàng có độ loạn	Miếng	1.000	Tròng kính đặt đánh. Độ cầu S: -5.00 ~ +5.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -6.00 Độ đọc sách Add: +1.00 ~ +3.00 n=1.50 hoặc n = 1.56. Chất liệu: nhựa. Cam kết về thời gian giao hàng: tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng
30	GKT K038	Đa tròng vàng dầu có độ loạn	Miếng	500	Tròng kính đặt đánh. Độ cầu S: -5.00 ~ +5.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -6.00 Độ đọc sách Add: +1.00 ~ +3.00 n=1.50 hoặc n = 1.56. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa. Cam kết về thời gian giao hàng: tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng
31	GKT K040	Đa tròng đổi màu vàng dầu có độ loạn	Miếng	50	Tròng kính đặt đánh. Độ cầu S: -4.00 ~ +4.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -4.00 Độ đọc sách Add: +1.00 ~ +3.00 n=1.50 hoặc n = 1.56. Tự động đổi thành màu khói như kính mát khi ra nắng hoặc có tia UV, tự động trả màu trong khi vào trong mát. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa Cam kết về thời gian giao hàng: tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng
32	GKT K042	Đa tròng tâm rộng vàng dầu có độ loạn	Miếng	50	Tròng kính đặt đánh. Độ cầu S: -12.00 ~ +8.00 Độ loạn C: 0.00 ~ -6.00 Độ đọc sách Add: +0.75 ~ +3.00 n=1.60. Cự li: 15. Lớp phủ vàng dầu. Chất liệu: nhựa Cam kết về thời gian giao hàng: tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng

